

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 751/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Kim S, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Mộng N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong “Đơn xin ly hôn” ngày 08 tháng 3 năm 2021 gửi Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Kim S trình bày:

Ông Trần Kim S và bà Lê Thị Mộng N quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2004 và đăng ký kết hôn tại UBND Xã Long Khánh A, Huyện Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Sau khi gây gổ với mẹ chồng, bà N đã bỏ đi. Ông S và bà N đã không còn chung sống từ năm 2006 đến nay. Do không liên lạc được với bà Lê Thị Mộng N nên năm 2012, ông Trần Kim S nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị Mộng N là người bị mất tích. Ngày 12/6/2012 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 05/2012/QĐST-VDS, Quyết

định giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà Lê Thị Mộng N, nơi cư trú cuối cùng D1/7 Ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, ông Trần Kim S yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Mộng N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, giới tính nữ; hiện trẻ Trần Thanh T thì đang sống với bà Lê Thị Mộng N. Khi ly hôn, ông Trần Kim S xin giao trẻ Trần Thanh T cho bà Lê Thị Mộng N nuôi dưỡng, ông S xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Lê Thị Mộng N, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập bà N đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà N vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh bà Nguyễn Thị Thúy Hiền, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trần Kim S nộp đơn khởi kiện xin được ly hôn với bà Lê Thị Mộng N. Xét thấy bà Lê Thị Mộng N có nơi cư trú cuối cùng tại Xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Trần Kim S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Mộng N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyền 01 do Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/5/2004 thì hôn nhân giữa ông Trần Kim S và bà Lê Thị Mộng N là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Theo lời khai của ông Trần Kim S thì quá trình chung sống thời gian đầu giữa ông S và bà N có hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, cãi vã nhau, bà Lê Thị Mộng N đã bỏ nhà đi từ năm 2006, ông S không thể liên lạc. Năm 2012 ông Trần Kim S đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị Mộng N là người bị mất tích. Ngày 12/6/2012 Tòa án

nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 05/2012/QĐST-VDS, Quyết định giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà Lê Thị Mộng N, nơi cư trú cuối cùng D1/7 Ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, ông Trần Kim S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Lê Thị Mộng N.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Mộng N, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Kim S, chứng tỏ bà N không có mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng ông S xây dựng một gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa ông S và bà N ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Toà án nhân dân huyện Bình Chánh đã có Công văn số 580/TAHBC ngày 31/3/2021, xác minh về quá trình sống chung cũng như mâu thuẫn của ông Trần Kim S và bà Lê Thị Mộng N và về con chung Trần Thanh T, sinh ngày 03/02/2005 và theo Công văn trả lời số 981/UBND ngày 08/12/2021 của UBND xã Phong Phú, huyện Bình Chánh về mâu thuẫn giữa ông S và bà N thì UBND xã không nắm rõ.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh có đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Kim S đối với bà Lê Thị Mộng N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, giới tính nữ;

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Kim S, năm 2006 khi bà Lê Thị Mộng N bỏ nhà đi thì dẫn theo con chung và hiện trẻ Trần Thanh T đang sống với bà Lê Thị Mộng N, ông Trần Kim S không thể liên lạc được. Khi ly hôn, ông Trần Kim S đề nghị giao con chung tên Trần Thanh T cho bà Lê Thị Mộng N nuôi dưỡng, ông S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh có đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Trần Kim S là có cơ sở chấp nhận.

Giao trẻ Trần Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, giới tính nữ cho bà Lê Thị Mộng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Kim S cho đến khi bà Lê Thị Mộng N có yêu cầu.

Ông Trần Kim S có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi nuôi con và mức trợ cấp phí tổn nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Kim S thì ông Trần Kim S và bà Lê Thị Mộng N không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Kim S thì ông Trần Kim S và bà Lê Thị Mộng N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra để giải quyết.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Kim S phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Kim S đối với bà Lê Thị Mộng N. Ông Trần Kim S được ly hôn với bà Lê Thị Mộng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyển 01 do Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/5/2004 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Thanh T, sinh ngày 03/02/2005, giới tính nữ cho bà Lê Thị Mộng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung của ông Trần Kim S cho đến khi bà Lê Thị Mộng N có yêu cầu.

Ông Trần Kim S có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi nuôi con và mức trợ cấp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: ông Trần Kim S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông Trần Kim S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số

AA/2019/0081146 ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Ông Trần Kim S đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Toàn